

Số: 960/QĐ-UBND

Cát Hải, ngày 23 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành hệ thống tài liệu quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4108/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia; Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN, ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 920/2016/QĐ-UBND, ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành áp dụng hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, bao gồm: Sổ tay chất lượng, Quy trình chung và các quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện kèm theo quyết định này nhằm mục đích kiểm soát chất lượng các hoạt động thuộc phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đã được hoạch định trên nguyên tắc làm đúng ngay từ đầu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2470/QĐ-UBND, ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc Ban hành áp dụng hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015;

Ban Chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc, theo dõi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo các tài liệu đã ban hành; đánh giá quá trình thực hiện, hiệu chỉnh cho phù hợp với các hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Ban Chỉ đạo ISO, Thủ trưởng các đơn vị, công chức có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./..*Sof*

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ HP;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT thành phần huyện;
- C, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Tuấn Mạnh

DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 960 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
A	TÀI LIỆU HỆ THỐNG		
1	Sổ tay chất lượng	STCL	01/01
2	Quy trình nhận diện và xem xét bối cảnh tổ chức	QT.ISO.01	01/01
3	Quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro và cơ hội	QT.ISO.02	01/01
4	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT.ISO.03	01/01
5	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT.ISO.04	01/01
6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.ISO.05	01/01
7	Quy trình xem xét lãnh đạo	QT.ISO.06	01/01
8	Quy trình kiểm soát đầu ra KPH và hành động khắc phục	QT.ISO.07	01/01
B	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG (33 TTHC)		
I	Lĩnh vực kinh doanh khí, xăng dầu (03 TTHC)		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.01	01/01
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.02	01/01
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.03	01/01
II	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng (03 TTHC)		
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.04	01/01
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.05	01/01
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.06	01/01
III	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)		
1	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.07	01/01
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.08	01/01
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.09	01/01
4	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	QT.KT.10	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	QT.KT.11	01/01
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	QT.KT.12	01/01
IV	Lĩnh vực Xây dựng (07 TTHC)		
1	Cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố	QT.KT.13	01/01
2	Cấp Giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố	QT.KT.14	01/01
3	Cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	QT.KT.15	01/01
4	Cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	QT.KT.16	01/01
5	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	QT.KT.17	01/01
6	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	QT.KT.18	01/01
7	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	QT.KT.19	01/01
V	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng (03 TTHC)		
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KT.20	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT.KT.21	01/01
3	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT.KT.22	01/01
VI	Lĩnh vực đường thủy nội địa (09 TTHC)		
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	QT.KT.23	01/01
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	QT.KT.24	01/01
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT.KT.25	01/01
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	QT.KT.26	01/01
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KT.27	01/01
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	QT.KT.28	01/01
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	QT.KT.29	01/01
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	QT.KT.30	01/01
9	Xóa đăng ký phương tiện	QT.KT.31	01/01
VII	Lĩnh vực đường bộ (02 TTHC)		
1	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vào mục đích giao thông.	QT.KT.32	01/01
2	Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vào mục đích giao thông.	QT.KT.33	01/01
C	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (35 TTHC)		
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục.	QT.GD.01	01/01
2	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở.	QT.GD.02	01/01
3	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của các nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GD.03	01/00

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
4	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục.	QT.GD.04	01/01
5	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GD.05	01/01
6	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).	QT.GD.06	01/01
7	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng.	QT.GD.07	01/01
8	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại.	QT.GD.08	01/01
9	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở.	QT.GD.09	01/01
10	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục.	QT.GD.10	01/01
11	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.	QT.GD.11	01/01
12	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	QT.GD.12	01/01
13	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.	QT.GD.13	01/01
14	Quy trình đánh giá xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.	QT.GD.14	01/01
15	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	QT.GD.15	01/01
16	Thủ tục hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	QT.GD.16	01/01
17	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD.17	01/00
18	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GD.18	01/01
19	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GD.19	01/01
20	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD.20	01/01
21	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GD.21	01/01
22	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD.22	01/01
23	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GD.23	01/01
24	Chuyên trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GD.24	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
25	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GD.25	01/01
26	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GD.26	01/01
27	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GD.27	01/01
28	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT.GD.28	01/01
29	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD.29	01/01
30	Sát nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD.30	01/01
31	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD.31	01/01
32	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD.32	01/01
33	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD.33	01/01
34	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GD.34	01/01
35	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GD.35	01/01
D	PHÒNG TƯ PHÁP (33 TTHC)		
I	Lĩnh vực Hộ tịch (16 TTHC)		
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.01	01/01
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.02	01/01
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.03	01/01
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.04	01/01
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.05	01/01
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.06	01/01
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.07	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
8	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	QT.TP.08	01/01
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	QT.TP.09	01/01
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	QT.TP.10	01/01
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	QT.TP.11	01/01
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.12	01/01
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	QT.TP.13	01/01
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.14	01/01
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.15	01/01
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.16	01/01
II	Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC)		
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	QT.TP.17	01/01
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	QT.TP.18	01/01
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).	QT.TP.19	01/01
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	QT.TP.20	01/01
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.	QT.TP.21	01/01
6	Quy trình Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch.	QT.TP.22	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
7	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.	QT.TP.23	01/01
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.	QT.TP.24	01/01
9	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.	QT.TP.25	01/01
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản.	QT.TP.26	01/01
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.	QT.TP.27	01/01
III	Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước (05TTHC)		
1	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT.TP.28	01/01
2	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT.TP.29	01/01
3	Trả lại tài sản	QT.TP.30	01/01
4	Chi trả tiền bồi thường	QT.TP.31	01/01
5	Phục hồi danh dự	QT.TP.32	01/01
IV	Lĩnh vực Phổ biến pháp luật (01 TTHC)		
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	QT.TP.33	01/01
E	PHÒNG NỘI VỤ (22 TTHC)		
I	Lĩnh vực Tôn giáo (08 TTHC)		
1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.	QT.NV.01	01/01
2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.	QT.NV.02	01/01
3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.	QT.NV.03	01/00
4	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.	QT.NV.04	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
5	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện.	QT.NV.05	01/01
6	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện.	QT.NV.06	01/01
7	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện.	QT.NV.07	01/01
8	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	QT.NV.08	01/01
II	Lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng (14 TTHC)		
1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.	QT.NV.09	01/01
2	Tặng danh hiệu Tập thể tiên tiến.	QT.NV.10	01/01
3	Tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	QT.NV.11	01/01
4	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	QT.NV.12	01/01
5	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề.	QT.NV.13	01/01
6	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích đột xuất.	QT.NV.14	01/01
7	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về khen thưởng đối ngoại.	QT.NV.15	01/01
8	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho gia đình.	QT.NV.16	01/01
III	Lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước (06 TTHC)		
1	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.17	01/01
2	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.18	01/01
3	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.19	01/01
4	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT.NV.20	01/01
5	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT.NV.21	01/01
6	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT.NV.22	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
F	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (11 TTHC)		
I	Lĩnh vực Đất đai (07 TTHC)		
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT.TN.01	01/01
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TN.02	01/01
3	Quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013).	QT.TN.03	01/01
4	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	QT.TN.04	01/01
5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.	QT.TN.05	01/01
6	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	QT.TN.06	01/01
7	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân.	QT.TN.07	01/01
II	Lĩnh vực môi trường (01 TTHC)		
1	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.TN.08	01/01
III	Lĩnh vực tài nguyên nước (02 TTHC)		
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TN.09	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
2	Lấy ý kiến của UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT.TN.10	01/01
IV	Lĩnh vực Biển và Hải đảo (01 TTHC)		
1	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	QT.TN.11	01/01
G	CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN (04 TTHC)		
1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.VPĐK.01	01/01
2	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT.VPĐK.02	01/01
3	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT.VPĐK.03	01/01
4	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT.VPĐK.04	01/01
H	THANH TRA HUYỆN (08 TTHC)		
I	Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)		
1	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT.TT.01	01/01
II	Lĩnh vực Xử lý đơn (01 TTHC)		
1	Xử lý đơn tại cấp huyện.	QT.TT.02	01/01
III	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (02 TTHC)		
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện.	QT.TT.03	01/01
2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện.	QT.TT.04	01/01
IV	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (01 TTHC)		
1	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện.	QT.TT.05	01/01
V	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (03 TTHC)		
1	Kê khai tài sản, thu nhập.	QT.TT.06	01/01
2	Tiếp nhận giải trình	QT.TT.07	01/01
3	Giải trình	QT.TT.08	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
I	PHÒNG VĂN HÓA-THÔNG TIN-THỂ THAO VÀ DU LỊCH (24 TTHC)		
I	Lĩnh vực Văn hóa (18 TTHC)		
I.1	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (09 TTHC)		
1	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT.VH.01	01/01
2	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VH.02	01/01
3	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VH.03	01/01
4	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VH.04	01/01
5	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VH.05	01/01
6	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT.VH.06	01/01
7	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT.VH.07	01/01
8	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT.VH.08	01/01
9	Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT.VH.09	01/01
I.2	Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)		
1	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VH.10	01/01
2	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VH.11	01/01
3	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VH.12	01/01
I.3	Lĩnh vực Gia đình (06 TTHC)		
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VH.13	01/01
2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VH.14	01/01
3	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ	QT.VH.15	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
	nạn nhân bạo lực gia đình		
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VH.16	01/01
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VH.17	01/01
6	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VH.18	01/01
II	Lĩnh vực Viễn thông và Internet (04 TTHC)		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	QT.VH.19	01/01
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	QT.VH.20	01/01
3	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	QT.VH.21	01/01
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	QT.VH.22	01/01
III	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành (02 TTHC)		
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.	QT.VH.23	01/01
2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.	QT.VH.24	01/01
J	PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH (24TTHC)		
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (05 TTHC)		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh.	QT.TC.01	01/01
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.	QT.TC.02	01/01
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh.	QT.TC.03	01/01
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.	QT.TC.04	01/01
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.	QT.TC.05	01/01
II	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (19 TTHC)		
1	Đăng ký hợp tác xã.	QT.TC.06	01/01
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.	QT.TC.07	01/01
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành,	QT.TC.08	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
	nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật.		
4	Đăng ký thay đổi địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.	QT.TC.09	01/01
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia.	QT.TC.10	01/01
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách.	QT.TC.11	01/01
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất.	QT.TC.12	01/01
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập.	QT.TC.13	01/01
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất).	QT.TC.14	01/01
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất).	QT.TC.15	01/01
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác (khi bị hư hỏng)	QT.TC.16	01/01
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT.TC.17	01/01
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện).	QT.TC.18	01/01
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.	QT.TC.19	01/01
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã.	QT.TC.20	01/01
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.	QT.TC.21	01/01
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.	QT.TC.22	01/01
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã).	QT.TC.23	01/01
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã.	QT.TC.24	01/01
K	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (12 TTHC)		
I	Lĩnh vực Phát triển nông thôn (03 TTHC)		
1	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	QT.NN.01	01/01
2	Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong thành phố	QT.NN.02	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
3	Hỗ trợ Dự án liên kết	QT.NN.03	01/01
II	Lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai (05 TTHC)		
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố phân cấp	QT.NN.04	01/01
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.NN.05	01/01
3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.NN.06	01/01
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT.NN.07	01/01
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT.NN.08	01/01
III	Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)		
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	QT.NN.09	01/01
IV	Lĩnh vực Thủy sản (03 TTHC)		
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.NN.10	01/01
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.NN.11	01/01
3	Công bố mở cảng cá loại 3	QT.NN.12	01/01
L	PHÒNG LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (29 TTHC)		
1	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	QT.LĐ.01	01/01
2	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT.LĐ.02	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
3	Hỗ trợ người lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động do đại dịch COVID-19	QT.LĐ.03	01/01
4	Hỗ trợ văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.LĐ.04	01/01
5	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT.LĐ.05	01/01
6	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT.LĐ.06	01/01
7	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐ.07	01/01
8	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.LĐ.08	01/01
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.LĐ.09	01/01
10	Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.LĐ.10	01/01
11	Dừng trợ cấp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.LĐ.11	01/01
12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.LĐ.12	01/01
13	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện	QT.LĐ.13	01/01
14	Quyết định Trợ giúp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	QT.LĐ.14	01/01
15	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng BTXH (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT.LĐ.15	01/01
16	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐ.16	01/01
17	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.LĐ.17	01/01
18	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.LĐ.18	01/01
19	Thành lập Hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	QT.LĐ.19	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
20	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.LĐ.20	01/01
21	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.LĐ.21	01/01
22	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.LĐ.22	01/01
23	Áp dụng biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.LĐ.23	01/01
24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.LĐ.24	01/01
25	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.LĐ.25	01/01
26	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.LĐ.26	01/01
27	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	QT.LĐ.27	01/01
28	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	QT.LĐ.28	01/01
29	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	QT.LĐ.29	01/01
M	PHÒNG Y TẾ (01 TTHC)		
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng		
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống.	QT.YT.01	01/01